

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 158/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa:

***Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1997; CCCD số: 040197027643 cấp ngày 19/05/2023; Trú tại: Xóm E, xã H, tỉnh Nghệ An;

Top of Form

Bottom of Form

***Bị đơn:** Ông Đặng Công Phước T1, sinh năm 1996; CCCD số 048096003587 cấp ngày 10/3/2022. Trú tại: số E Đường B, phường N, TP Đà Nẵng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị T, sinh năm 1997; CCCD số: 040197027643 cấp ngày 19/05/2023; Trú tại: Xóm E, xã H, tỉnh Nghệ An và ông Đặng Công Phước T1, sinh năm 1996; CCCD số 048096003587 cấp ngày 10/3/2022. Trú tại: số E Đường B, phường N, TP Đà Nẵng;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị T và ông Đặng Công Phước T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do UBND phường H, quận H cũ nay là phường H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/3/2021 của không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về quan hệ con chung: bà Lê Thị T và ông Đặng Công P T1 khai nhận có 01 con chung là Đặng Mai A, sinh ngày 30/07/2021. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Đặng Công P Thắng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đặng Mai A, sinh ngày 30/07/2021 đến tuổi trưởng thành.

Bà Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (*một triệu đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 5/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị T và ông Đặng Công Phước T1 khai nhận không có.

2.4. Về án phí HNGĐ: 150.000 đồng bà T phải nộp và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng ông T1 phải nộp nhưng bà T tự nguyện nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003015 ngày 01/4/2026 tại Thi hành án dân sự, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 Đà Nẵng;
- Thi hành án DS TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 2 Đà Nẵng;
- UBND p Hòa Cường, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy